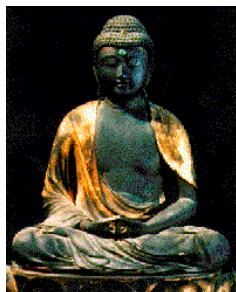


ĐỨC PHẬT RA ĐỜI



Minh Thông

Trong kinh Pháp hoa đức Phật nói: “Ta ra đời vì một nhân duyên lớn, đó là khai thị chúng sanh để thấu hiểu Phật pháp.” Nghĩa là khai thị cho chúng sanh để mỗi người đều biết rõ mình có Phật tánh ẩn tàng và chỉ dạy phương pháp khai triển Phật tánh để đạt thành Phật quả “Ta là Phật đã thành. Chúng sanh là Phật sẽ thành.”

Người tu học Phật muốn đạt được điểm rốt ráo phải thực lòng với lý tưởng xả kỷ - vị tha, sống đời hỷ - xả. Đức Phật ra đời, Ngài dùng cả cuộc đời thuyết pháp muôn triệu lời kết thành tam tạng kinh điển không ngoài ý muốn khuyên chúng ta phải cố gắng thanh tịnh tâm ý. Sự cố gắng này phải từng giờ từng phút trải suốt tháng năm, suốt cả đời, đời này sang đời khác, không gián đoạn, không quản ngại khó khăn. Sự ăn, mặc, tiện nghi cuộc sống, thân bằng quyến thuộc, đều chỉ là những giả tạm, những phương tiện tạm thời, những nhân duyên ràng buộc trong một khoảng thời gian cần có cho một cuộc sống. Biết vậy chúng ta không nên chấp thủ. Tình thân mẹ, cha, vợ, chồng, con cái là nặng nhưng phải biết khi nào cần thiết thì phải ly thân cắt ái. Trong cuộc sống, nhiều người đã không hiểu được điều này nên khổ vì chồng, khổ vì con, khổ vì vợ, khổ vì thân bằng quyến thuộc bạn bè, khổ vì nhà cửa tàu xe, ...

Áo trần con lỡ mặc vào

Nợ trần con biết ngày nào cởi ra

Nếu hương sắc trần gian trường tồn, dục tình danh lợi của con người vĩnh cửu, hạnh phúc gia đình tình ái là chân thật,

Công cha như núi Thái sơn,

Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra

Một lòng thờ mẹ kính cha

Cho tròn chữ hiếu mới là đạo con

hay:

Tu đâu cho bằng tu nhà,

Thờ cha kính mẹ mới là đi tu.

thì thái tử Tất-đạt-đa đã không từ bỏ cung vàng điện ngọc, vợ đẹp con thơ, mẹ cha, vương tôn quyền tước để sống đời chông gai cát bụi tìm con đường giác ngộ cho bản thân và cho tất cả.

Đức Phật ra đời với tâm nguyện khai hóa cứu độ chúng sanh. Ngài đã dùng cả mạng sống và cuộc đời của chính mình để tìm ra con đường thoát khổ hoàn thành tâm nguyện khi Ngài thệ nguyện dưới cội Bồ đề rằng cho dù thân này thịt nát xương tan, nếu không đạt thành vô thượng chánh đẳng chánh giác thì Ngài không rời khỏi cội Bồ đề. Sau khi thành đạo, dùng huệ nhãn soi khắp thế gian, một lần nữa Ngài hạ quyết tâm: “Ta không vào địa ngục cứu độ chúng sanh thì ai có thể thay ta vào đó?”

Cuộc đời của đức Phật chính là một tấm gương để chúng ta nhìn ngắm và suy nghiệm. Tấm gương đó được thể hiện qua hai lăng kính:

- lăng kính Nguyên thủy và
- lăng kính Đại thừa

Qua lăng kính Nguyên thủy, đức Phật chính là một người phàm mắt thịt, mặc áo thô, đi chân trần, ăn mặn, có vợ, có con, đau yếu, mỏi mệt, đói, khát, khát thực, ngồi thiền, bệnh yếu, già, chết. Đức Phật Nguyên thủy có vẻ gần gũi chúng ta hơn. Các thầy Nguyên thủy và Phật tử ăn cơm chung với nhau, ngôi chùa là nơi tụ hội của xóm làng, vị trụ trì là Cha, là Thầy, là Thẩm phán, là quan tòa của một khu xóm. Chuyện nhà vui buồn đều đến trình bạch với Thầy. Cơm nước xong, chiều tối, Thầy và đệ tử tụ hội trong chánh điện chuyện trò, tâm sự, ngôi chùa ấy thực sự là:

Mái chùa che chở hồn dân tộc

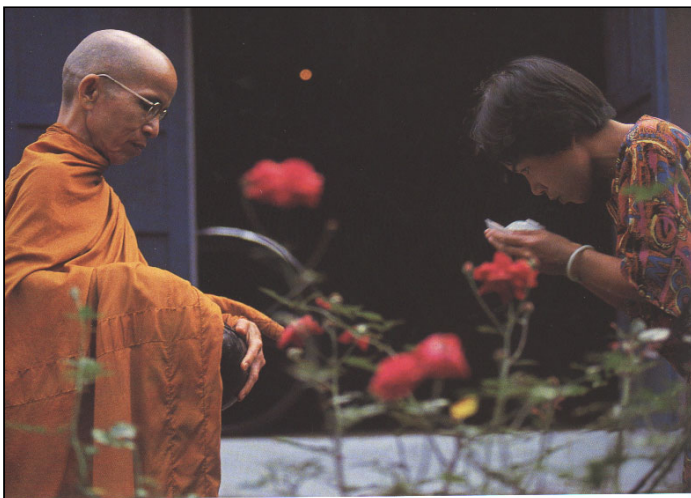
Nếp sống muôn đời của tổ tông.

Qua lăng kính Đại thừa, Đức Phật thay đổi nhiều hơn để thích nghi. Phật ở Trung hoa chân mày lá liễu, ăn chay, thờ cha kính mẹ, nước mắt giọt ngắn giọt dài khi thấy đống xương khô bên vệ đường (tư tưởng Khổng tử), mặc áo vàng (màu của nhà vua). Phật ở Đại hàn điểm thêm hàm râu cánh én. Phật ở Tây tạng thì thêm những đường nét eo lả của những vũ điệu Ấn độ... Phật Đại thừa khi thuyết pháp thì lưỡi dài ra bao trùm Tam thiên đại thiên thế giới (mà mắt trần thì không thấy), hào quang xẹt lên chiếu sáng mọi nơi, muôn triệu Bồ tát

Chư Phật mười phương đồng tụ hội (mắt trần vẫn không thấy)... Phật và tư tưởng Đại thừa mang nhiều sắc thái trừu tượng, hóa dụ thành, huyền nhiệm vì ra đời trong bối cảnh lịch sử tranh đấu với những thuật sĩ “đạo cao phép cả” của Bà-la-môn giáo và Ấn giáo.

Dù Nguyên thủy hay Đại thừa, dù Mật thừa hay Bồ tát, mỗi lăng kính là một cách nhìn, một cách diễn giải, một khía cạnh soi rọi của một tổng thể Phật giáo. Gạt bỏ những dị biệt do lăng kính biến thiên thì còn lại là ánh sáng đầu nguồn, ánh sáng ấy chính là Phật giáo nguyên thủy, đơn giản và ai cũng có thể thực hiện được đúng theo tinh thần:

*Ta là Phật đã thành,
Chúng sanh là Phật sẽ thành.*



Biểu tượng của Nam tông, chân trần khát thực, không tòa sư tử, không lông báu, không hào quang, ...

THỜI ĐẠI ĐỨC PHẬT ĐẢN SINH

- Cơ cấu chính trị xã hội:

Cách nay khoảng 4.000 năm những người dân đầu tiên vùng bình nguyên Indus là người Dravidian có nước da ngăm ngăm, tóc đen, mũi thẳng, vóc người trung bình. Đây là sắc dân lâu đời nhất trên thế giới. Giống người này phát xuất từ cao nguyên xứ Belutchistan. Ngày nay người ta vẫn còn tìm thấy những người nói thổ ngữ Dravidian ở vùng Belutchistan.

Nhiều thế kỷ sau đó giống dân Dravidian bị người Aryan xâm chiếm nên phải chạy xuống Nam Ấn độ thuộc Cao nguyên Dekan và Tích Lan (Sri Lanka) ngày nay. Người Aryan chiếm khu vực sông Ấn Hà, vượt qua các thung lũng Hy-mã-lạp-son định cư tại vùng bình nguyên châu thổ Ngũ hà.

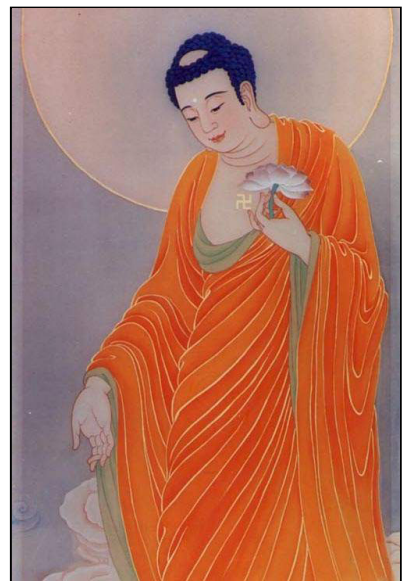
Dần dần nhiều sắc dân chiếm ngụ nhiều khu vực khác nhau, đến thời đức Phật tại bán đảo Ấn độ có 5 sắc dân khác nhau, mỗi sắc dân có tư tưởng, có nền văn hóa khác nhau và sinh hoạt t1ch rời rã với nhau.

Sau khi người Aryan xâm chiếm Bắc Ấn, sự phân chia giai cấp tại Ấn độ càng nghiêm ngặt hơn với mục đích chia để trị và họ đã phân chia xã hội thành 4 giai cấp:

- Giai cấp Bà-la-môn: là giai cấp quý tộc, thống trị tư tưởng văn hóa tôn giáo của xã hội thời bấy giờ;

Hình bên dưới:

- Hình tượng Phật Tây tạng.
- Hình tượng Phật theo Đại hàn.
- Hình tượng Phật A-di-đà theo Trung quốc.



- Giai cấp Sát đế ly: là giai cấp vua quan thống trị, có quyền cha truyền con nối, có quyền sanh sát trong tay;
- Giai cấp Phê-xá: giai cấp nông công thương
- Giai cấp Thủ-đà-la: giai cấp nô lệ, tập trung tại những nơi riêng biệt, đời sống còn khổ hơn loài vật, không bao giờ nhìn thấy ánh sáng cuộc đời.
- **Tư tưởng Ấn độ:**

Khi người Aryan xâm chiếm Bắc Ấn thì bộ kinh Vệ Đà (gồm 4 loại chánh: tán tụng, nghi lễ, chú thuật, giải thích ma thuật; chia thành 3 bộ: Tể nghi thư, Sâm lâm thư, Áo nghĩa thư) cũng bắt đầu được kiến lập. Kinh Vệ đà là hiến chương bất thành văn, là hiến pháp của định chế xã hội thời bấy giờ.

Trong kinh ghi nhận, vào thời đức Phật đã có đến 62 hệ phái tư tưởng khác nhau, tuy nhiên quan trọng hơn cả là 6 trường phái chánh yếu: phái Duy vật luận, phái Vạn vật thường tồn, phái Ngẫu nhiên thuyết, phái Hữu nghi thuyết và phái Tương đối luận.

Phía tây Ấn độ là địa bàn hoạt động của Bà-la-môn giáo, phía đông là đất dụng võ của Kỳ-na giáo. Theo thời gian, ban đầu người ta tôn thờ sùng bái ánh sáng thiên nhiên (độc thần), dần dần người ta thờ thần sấm, chớp, gió, mưa, ... (đa thần) rồi đến bùa chú, pháp mầu, thần, thánh, ... (phiếm thần).

ĐỨC PHẬT VÀ PHẬT PHÁP

Nhà nghiên cứu xã hội Robequain trong tài liệu “Lịch sử tư tưởng triết học Ấn độ thời Đức Phật đản sinh” có đoạn viết: “*Ảnh hưởng của tư tưởng đức Phật trong tinh thần và đời sống của nhân loại quả là một kỳ công hy hữu. Ngài đã làm một cuộc cách mạng tư tưởng chống bất công thối nát và lạc hậu đương thời. Mọi người đều sùng kính và tôn Ngài là người đã xây dựng một hệ thống tôn giáo vô cùng cao thâm, huyền diệu. Ngài đã thuộc về lịch sử tư tưởng thế giới. Ngài là bậc vĩ nhân cao thượng nhất của nhân loại.*”

Chưa có một cuộc cách mạng nào trên thế giới đẹp hơn những quan điểm nhân sinh nhận thức của Phật giáo. Đức Phật đã không dùng đến uy quyền, thế lực. Ngài chỉ cảm hóa mọi người trên thế gian bằng giáo lý nhiệm mầu. Và cũng vì thế, không ai bảo ai, mọi người trên xứ Ấn độ đã kéo nhau đến với Ngài. Tất cả đều được Ngài hóa độ. Tình yêu thắng hận thù. Bao dung thắng bạo quyền.”

Bác sĩ Malalasekera trên tạp chí La Pensée Bouddhique có đoạn như sau: “*Ý thức trung đạo của đức Thích ca là*

một ý thức mới mẻ mà từ trước tới nay chưa ai xiển dương. Thuyết trung đạo đã dạy cho con người ý thức cái khổ để rồi tự mình chiến thắng nó một cách vinh quang theo sự diễn biến cụ thể của luận lý biện chứng, là sự quan sát và truy nguyên cái khổ để tự mình thoát khổ.”

oo0oo

Cuộc đời là khổ. Cuộc sống là khổ. Thoát được khổ tức là đã tìm được Niết bàn. Sống không còn khổ tức là sống trong cảnh giới Niết bàn.

Hay thay, mầu nhiệm thay, đáng ca ngợi thay cho những ai đang hiện diện trong cõi Ta-bà (= khổ) mà đã và đang thiết lập Niết bàn ngay trong biển khổ.

Mùa Phật đản 2005



Một vị sư khát thực bên đường ở Nhật bản.

